

PHÁP LUẬT CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU VỀ TÀI CHÍNH XANH VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

VŨ THỊ VÂN NGÀ

Công ty TNHH Maersk Việt Nam

Maersk Vietnam Ltd.

Email: vuvannga@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/7/2026

Ngày sửa bài: 27/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 12/8/2026

Tóm tắt:

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang trở thành thách thức toàn cầu, tài chính xanh được xem là công cụ quan trọng định hướng dòng vốn vào các hoạt động kinh tế thân thiện với môi trường, qua đó hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển bền vững. Trên thế giới, Liên minh châu Âu đã tiên phong trong việc hình thành một khuôn khổ điều tiết tài chính xanh mới, trong đó pháp luật được sử dụng như công cụ định hình hành vi thị trường thông qua 3 trụ cột: phân loại xanh (taxonomy), minh bạch thông tin (disclosure) và các công cụ thị trường trong định hướng dòng vốn xanh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh pháp luật để làm rõ cấu trúc, đặc điểm và xu hướng phát triển của hệ thống pháp luật tài chính xanh của EU, qua đó đề xuất một số định hướng hoàn thiện pháp luật về tài chính xanh tại Việt Nam.

Từ khóa: Tài chính xanh, EU Taxonomy, phát triển bền vững, ESG, chuyển đổi xanh

The European Union's legal framework for green finance and policy implications for Vietnam

Abstract:

Amid increasingly severe climate change, green finance has become an important instrument for directing capital toward environmentally sustainable economic activities and supporting the transition to sustainable development. This study analyzes the European Union's green finance legal framework, in which law shapes market behavior through three core pillars: the EU Taxonomy, sustainability disclosure requirements, and market-based instruments for steering green capital flows. Using legal analysis, synthesis, and comparative methods, the study examines the structure, major characteristics, and development trends of this regulatory framework. The findings highlight the role of common green classifications, standardized disclosure, accountability, and market instruments in reducing information asymmetry and greenwashing. The study draws policy implications for Vietnam concerning taxonomy development, disclosure obligations, technical criteria, regulatory coordination, and the mobilization of capital for green transition.

Keywords: green finance, EU Taxonomy, sustainable development, ESG, green transition

1. Đặt vấn đề

Các tác động ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu đang làm thay đổi nhận thức của các quốc gia về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Trong nhiều thập kỷ, các nước chủ yếu dựa vào các công cụ quản lý hành chính để kiểm soát hành vi kinh tế gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, cách tiếp cận này bộc lộ những hạn chế khi dòng vốn vẫn tiếp tục chảy vào các ngành phát thải cao. Do đó, nhiều quốc gia đang chuyển từ điều tiết hành vi sản xuất sang điều tiết dòng vốn, coi hệ thống tài chính là công cụ quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh. Hiện nay, Liên minh châu Âu (EU) được xem là chủ thể tiên phong trong cách tiếp cận này qua việc hình thành một hệ thống quy định có tính liên kết cao, gồm: quy định về phân loại hoạt động kinh tế bền vững, minh bạch thông tin và định hướng dòng vốn đầu tư thông qua các công cụ thị trường như trái phiếu xanh, chuẩn chỉ số khí hậu và các quy định về tư vấn đầu tư bền vững. Các chính sách này đã thiết lập các tiêu chuẩn pháp lý chung cho hoạt động đầu tư và huy động vốn xanh, thúc đẩy việc lồng ghép các mục tiêu môi trường vào quyết định tài chính, qua đó hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển bền vững và nền kinh tế carbon thấp.

Tại Việt Nam, định hướng phát triển kinh tế xanh đã được xác lập thông qua nhiều văn kiện quan trọng như Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Chiến lược phát triển bền vững và các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính. Việt Nam đã từng bước hình thành các quy định về tín dụng xanh, trái phiếu xanh và Danh mục phân loại xanh quốc gia, song hệ thống pháp luật hiện hành vẫn còn phân tán, thiếu tính tổng thể, đồng bộ và các tiêu chí kỹ thuật làm cơ sở tham chiếu và chưa nâng cao trách nhiệm giải trình và minh bạch thông tin, đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là mô hình pháp luật tài chính xanh của EU, nhằm hoàn thiện pháp luật và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết, phạm vi và phương pháp nghiên cứu

Bài viết được xây dựng trên 3 nền tảng lý thuyết gồm: phát triển bền vững, thất bại thị trường và tài chính bền vững. Theo Báo cáo Our Common Future, phát triển bền vững là quá trình đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai (WCED, 1987). Tuy nhiên, theo Pigou (1920), các ngoại tác môi trường và bất cân xứng thông tin khiến thị trường không tự phân bổ nguồn lực hiệu quả cho các mục tiêu môi trường, từ đó đặt ra nhu cầu can thiệp của Nhà nước thông qua các công cụ pháp luật nhằm nội hóa chi phí môi trường và nâng cao tính minh bạch. Trên cơ sở đó, lý thuyết tài chính bền vững cho rằng các quyết định đầu tư cần tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) bên cạnh các tiêu chí tài chính truyền thống (Freeman, 1984; Edmans & Kacperczyk, 2022). Đây cũng là cơ sở lý luận cho sự hình thành pháp luật tài chính xanh của EU, trong đó pháp luật được sử dụng để xác lập tiêu chuẩn xanh, yêu cầu công bố thông tin và định hướng dòng vốn vào các hoạt động bền vững.

Bài viết tập trung phân tích 3 trụ cột của pháp luật tài chính xanh EU gồm hệ thống phân loại xanh (EU Taxonomy), cơ chế công bố thông tin bền vững và các công cụ định hướng dòng vốn xanh. Thông qua phương pháp phân tích và luật học so sánh, nghiên cứu đối chiếu kinh nghiệm của EU với pháp luật Việt Nam, từ đó đề xuất một số hàm ý chính sách phù hợp với yêu cầu chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.

3. Trụ cột cốt lõi của pháp luật về tài chính xanh của EU

3.1. Hệ thống phân loại EU (EU Taxonomy) cho các hoạt động bền vững

EU Taxonomy được ban hành theo Quy định EU 2020/852, là hệ thống phân loại để xác định hoạt động kinh tế nào được coi là bền vững về môi trường. Có hiệu lực từ ngày 12/7/2020, quy định này thiết lập một bộ tiêu chí thống nhất, giúp nhà đầu tư, doanh nghiệp và cơ quan quản lý EU có chung cách hiểu về khái niệm “xanh” và “bền vững”, giúp giải quyết một trong những rào cản lớn nhất đối với phát triển tài chính xanh là sự thiếu thống nhất trong việc xác định đâu là hoạt động kinh tế thực sự “xanh”, nâng cao tính minh bạch và hạn chế hiện tượng “greenwashing”.

Theo đó, Điều 3 của Quy định xác định một hoạt động kinh tế chỉ được coi là bền vững về môi trường khi đáp ứng đồng thời 4 điều kiện chung gồm: i) Đóng góp đáng kể (Substantial Contribution) vào ít nhất

một trong sáu mục tiêu môi trường của EU, gồm: giảm nhẹ biến đổi khí hậu (Climate Change Mitigation), thích ứng với biến đổi khí hậu (Climate Change Adaptation), sử dụng và bảo vệ bền vững tài nguyên nước và biển; Chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn, Ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm, Bảo vệ và phục hồi đa dạng sinh học và hệ sinh thái; ii) Không gây tổn hại đáng kể (Do No Significant Harm - DNSH) đối với bất kỳ mục tiêu môi trường nào còn lại; iii) Tuân thủ các biện pháp bảo đảm tối thiểu (Minimum Safeguards) phù hợp với các tiêu chuẩn cơ bản về quyền con người, quyền của người lao động; hướng dẫn của OECD dành cho doanh nghiệp đa quốc gia; các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh doanh và Quyền con người (UNGPs); iv) Đáp ứng các tiêu chí sàng lọc kỹ thuật chi tiết (Technical Screening Criteria) do EU ban hành cho từng ngành và từng mục tiêu môi trường, bao gồm các ngưỡng, chỉ số hoặc điều kiện mà hoạt động phải đạt được.

Về bản chất, 4 điều kiện được xây dựng dựa trên các yêu cầu cốt lõi của quản trị môi trường hiện đại. *Thứ nhất*, bảo đảm hoạt động kinh tế phải tạo ra lợi ích môi trường rõ ràng. *Thứ hai*, ngăn ngừa sự đánh đổi giữa các mục tiêu môi trường. *Thứ ba*, đảm bảo tính toàn diện của phát triển bền vững thông qua việc lồng ghép các yếu tố xã hội và quản trị (ESG) vào tiêu chí đánh giá. *Thứ tư*, chuẩn hóa và lượng hóa nghĩa vụ thực hiện thông qua các tiêu chí sàng lọc kỹ thuật chi tiết. 4 điều kiện trên tạo thành khung đánh giá thống nhất đối với hoạt động kinh tế bền vững tại EU. EU Taxonomy còn được tích hợp với CSRD, SFDR và Quy chuẩn Trái phiếu xanh châu Âu, qua đó trở thành nền tảng tham chiếu chung cho việc công bố thông tin, phát triển sản phẩm tài chính xanh và phân bổ dòng vốn trong toàn bộ hệ thống tài chính của EU.

3.2. Cơ chế công bố và minh bạch thông tin

Trụ cột này được xây dựng chủ yếu dựa trên Quy định công bố thông tin Tài chính bền vững (SFDR); Chỉ thị báo cáo phát triển bền vững doanh nghiệp (CSRD) và Bộ tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững của Liên minh châu Âu (ESRS). Nếu như EU Taxonomy xác định hoạt động nào là “xanh”, thì các cơ chế này buộc doanh nghiệp phải công khai mức độ “xanh” của mình theo tiêu chuẩn đó.

CSRD, ESRS và SFDR tạo thành chuỗi điều tiết thống nhất của EU về minh bạch thông tin bền vững. Trong đó, CSRD quy định nghĩa vụ báo cáo; ESRS chuẩn hóa nội dung và phương pháp báo cáo; còn SFDR yêu cầu các tổ chức tài chính công khai thông tin ESG đối với sản phẩm và danh mục đầu tư. Sự kết hợp giữa ba công cụ này giúp nâng cao khả năng so sánh, kiểm chứng và sử dụng dữ liệu ESG trên thị trường tài chính. (Bảng 1)

3.3. Định hướng dòng vốn đầu tư thông qua các công cụ thị trường như trái phiếu xanh, chuẩn chỉ số khí hậu và các quy định về tư vấn đầu tư bền vững.

Bên cạnh EU Taxonomy và cơ chế công bố thông tin, EU còn sử dụng các công cụ thị trường như Quy chuẩn Trái phiếu xanh châu Âu (EuGB), chuẩn chỉ số khí hậu (Climate Benchmarks) và yêu cầu xem xét sở thích đầu tư bền vững trong hoạt động tư vấn tài chính. Các công cụ này giúp chuyển hóa các tiêu chuẩn và thông tin bền vững thành quyết định đầu tư thực tế, qua đó định hướng dòng vốn vào các hoạt động phù hợp với mục tiêu của Thỏa thuận Xanh châu Âu.

Quy định về Trái phiếu xanh châu Âu (Regulation (EU) 2023/2631) thiết lập các tiêu chuẩn thống nhất đối với việc huy động và sử dụng nguồn vốn từ trái phiếu xanh, trong đó yêu cầu phần lớn nguồn vốn phải được phân bổ cho các hoạt động phù hợp với EU Taxonomy. Đồng thời, tổ chức phát hành phải công bố thông tin trước và sau phát hành, báo cáo về việc sử dụng nguồn vốn và chịu sự đánh giá của các tổ chức kiểm định độc lập.

Các chuẩn chỉ số khí hậu thiết lập chuẩn tham chiếu giúp nhà đầu tư đánh giá mức độ phù hợp của danh mục đầu tư với các mục tiêu giảm phát thải và trung hòa carbon. Nếu EU Taxonomy xác định hoạt động nào là bền vững thì các chuẩn khí hậu tạo ra cơ chế để đo lường xem một danh mục đầu tư có đang đi đúng lộ trình chuyển đổi đó hay không. EU đã xây dựng hai chuẩn chỉ số khí hậu, gồm Chỉ số chuyển đổi khí hậu EU (EU Climate Transition Benchmark-EU CTB) và Chỉ số chuẩn phù hợp Thỏa thuận Paris của EU (EU Paris-Aligned Benchmark - EU PAB). Các chuẩn này quy định các điều kiện về: mức cắt giảm

Bảng 1. Tổng hợp, so sánh các quy định công bố thông tin về bền vững của EU

Tiêu chí	CSRD	ESRS	SFDR
Văn bản pháp lý	Chỉ thị EU số 2022/2464 ngày 14/12/2022	Quy định EU số 2023/2772 ngày 31/7/2023	Quy định EU số 2019/2088 ngày 27/11/2019
Đối tượng áp dụng	• Doanh nghiệp lớn của EU có 2/3 tiêu chí như > 250 lao động; doanh thu thuần > 50 triệu EUR; tổng tài sản > 25 triệu EUR. • Doanh nghiệp niêm yết trên thị trường vốn EU, bao gồm cả doanh nghiệp vừa và nhỏ • Doanh nghiệp ngoài EU có hoạt động kinh doanh đáng kể tại EU (<i>doanh thu tạo ra tại EU vượt ngưỡng do CSRD quy định; có công ty con/chi nhánh đáp ứng điều kiện áp dụng tại EU; phải thực hiện báo cáo phát triển bền vững ở cấp độ tập đoàn liên quan đến hoạt động tại EU</i>)		Tổ chức tài chính, quỹ đầu tư, công ty quản lý tài sản, bảo hiểm
Chức năng chính	Xác lập nghĩa vụ báo cáo ESG	Cung cấp hệ thống chỉ tiêu và phương pháp báo cáo ESG; giúp chuẩn hóa dữ liệu báo cáo ESG trên toàn EU	Minh bạch hóa thông tin ESG của các sản phẩm và tổ chức tài chính trên thị trường tài chính
Nội dung báo cáo, đánh giá	Tập trung vào hoạt động của doanh nghiệp, yêu cầu công bố chi tiết các thông tin về phát thải khí nhà kính, sử dụng tài nguyên nước, chính sách lao động, quản trị doanh nghiệp, chống tham nhũng và các tác động môi trường, xã hội phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh		Công bố rủi ro ESG của danh mục đầu tư, sản phẩm tài chính và quyết định đầu tư; các tác động bất lợi đối với môi trường và xã hội (PAI), tỷ lệ đầu tư bền vững và mức độ phù hợp của các khoản đầu tư với EU Taxonomy.
Đối tượng sử dụng thông tin	Nhà đầu tư, cơ quan quản lý, tổ chức tài chính	Doanh nghiệp lập báo cáo; nhà đầu tư sử dụng dữ liệu	Nhà đầu tư, khách hàng tài chính
Bản chất pháp lý	Điều tiết nghĩa vụ báo cáo doanh nghiệp	Điều tiết kỹ thuật báo cáo	Điều tiết thị trường tài chính

cường độ phát thải khí nhà kính của danh mục đầu tư; lộ trình giảm phát thải hằng năm; việc loại trừ các hoạt động có mức phát thải cao hoặc không phù hợp với mục tiêu khí hậu của EU. Các quỹ đầu tư và nhà quản lý tài sản không bị bắt buộc phải sử dụng các chuẩn này, nhưng nếu lựa chọn sử dụng thì phải tuân thủ các tiêu chí do EU quy định.

Quy định về sở thích bền vững trong hoạt động tư vấn đầu tư và bảo hiểm thể hiện qua Chỉ thị EU về thị trường công cụ tài chính (MiFID II) và Chỉ thị EU về hoạt động phân phối bảo hiểm (IDD) yêu cầu lồng ghép yếu tố bền vững vào quá trình tư vấn tài chính. Trong đó, các trung gian tài chính trên thị trường vốn và bảo hiểm (ngân hàng, công ty chứng khoán, nhà tư vấn đầu tư, công ty bảo hiểm, môi giới bảo hiểm) được yêu cầu phải thu thập và xem xét sở thích bền vững của khách hàng trong quá trình

cung cấp dịch vụ và đưa ra khuyến nghị đầu tư. Hai chỉ thị này đóng vai trò kết nối giữa hệ thống công bố thông tin bền vững (CSRD, ESRS, SFDR) với quyết định phân bổ vốn của nhà đầu tư thông qua quá trình tư vấn đầu tư.

4. Kết luận

4.1. Đánh giá hệ thống pháp luật tài chính xanh của EU

Pháp luật tài chính xanh của EU cung cấp nhiều kinh nghiệm có giá trị cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện quy định về tài chính xanh. Điểm nổi bật nhất là cách tiếp cận đồng bộ và có tính hệ thống, trong đó các quy định về phân loại hoạt động bền vững (EU Taxonomy), công bố thông tin ESG (CSRD, ESRS, SFDR) và định hướng dòng vốn đầu tư (EU Green Bond, Climate Benchmarks, MiFID II và IDD) được thiết kế như những cấu phần liên kết chặt chẽ với nhau. Cách tiếp cận này giúp khắc phục tình trạng thiếu thống nhất trong xác định hoạt động xanh, nâng cao tính minh bạch của thị trường và tạo cơ sở để định hướng dòng vốn vào các lĩnh vực ưu tiên cho quá trình chuyển đổi xanh. Tuy nhiên, mô hình của EU cũng cho thấy một số hạn chế cần được cân nhắc khi vận dụng tại Việt Nam do sự chênh lệch về trình độ công nghệ, năng lực giám sát và mức độ phát triển thị trường tài chính. Việc triển khai đồng thời các yêu cầu báo cáo, công bố thông tin và đánh giá tính bền vững có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ trong giai đoạn thị trường tài chính xanh của Việt Nam còn đang ở giai đoạn hình thành.

4.2. Một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam

Từ kinh nghiệm của EU, Việt Nam có thể tham khảo một số cơ chế pháp lý cụ thể trong lĩnh vực phân loại hoạt động xanh và công bố thông tin bền vững nhằm từng bước hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về tài chính xanh. Các khuyến nghị bao gồm:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống Phân loại xanh quốc gia tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 theo hướng bổ sung các tiêu chí kỹ thuật, ngưỡng đánh giá định lượng và từng bước lồng ghép nguyên tắc “Đóng góp đáng kể” (Substantial Contribution) và “Không gây tổn hại đáng kể” (DNSH). Cách tiếp cận này giúp nâng cao tính minh bạch, hạn chế nguy cơ “greenwashing” và tăng mức độ tương thích với các chuẩn mực quốc tế.

Thứ hai, xây dựng lộ trình công bố thông tin ESG bắt buộc theo hướng tiếp cận từng bước. Giai đoạn đầu áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết, doanh nghiệp đại chúng, tổ chức tín dụng và doanh nghiệp có nguy cơ phát thải cao; sau đó mở rộng sang các doanh nghiệp quy mô lớn chưa niêm yết và doanh nghiệp phát hành chứng khoán ra công chúng. Đồng thời, cần xây dựng Bộ tiêu chuẩn công bố thông tin ESG quốc gia thống nhất về chỉ tiêu báo cáo và phương pháp đo lường nhằm bảo đảm tính minh bạch và khả năng so sánh của dữ liệu. Hiện nay, chỉ có doanh nghiệp đại chúng và doanh nghiệp chứng khoán mới có nghĩa vụ báo cáo ESG theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam của Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

Đối với Bộ Tiêu chuẩn công bố thông tin ESG quốc gia nên bao gồm nhóm chỉ tiêu báo cáo cơ bản áp dụng cho mọi doanh nghiệp như phát thải khí nhà kính, tiêu thụ năng lượng, sử dụng nước, quản lý chất thải, lao động và quản trị doanh nghiệp; và nhóm chỉ tiêu theo ngành đặc thù, đồng thời hướng dẫn thống nhất các phương pháp tính phát thải và phương pháp đo lường/ đánh giá độ rủi ro và tác động môi trường.

Thứ ba, nghiên cứu áp dụng cơ chế công bố thông tin bền vững đối với các tổ chức tài chính tương tự SFDR, bao gồm thông tin về rủi ro môi trường, tỷ trọng đầu tư xanh và mức độ phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững. Đồng thời, từng bước lồng ghép yếu tố ESG vào hoạt động tư vấn đầu tư nhằm thúc đẩy nhu cầu đối với các sản phẩm tài chính xanh trên thị trường ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ Tài chính. (2020). Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Thủ tướng Chính phủ. (2025). Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 ban hành Danh mục phân loại xanh.
- European Parliament and Council of the European Union. (2014). Directive 2014/65/EU of 15 May 2014 on markets in financial instruments (MiFID II). EUR-Lex.
- European Parliament and Council of the European Union. (2016). Directive (EU) 2016/97 of 20 January 2016 on insurance distribution (IDD). EUR-Lex.
- European Parliament and Council of the European Union. (2019). Regulation (EU) 2019/2088 of 27 November 2019 on sustainability-related disclosures in the financial services sector (SFDR). EUR-Lex. [eur-lex.europa.eu], [eur-lex.europa.eu]
- European Parliament and Council of the European Union. (2020). Regulation (EU) 2020/852 of 18 June 2020 on the establishment of a framework to facilitate sustainable investment, and amending Regulation (EU) 2019/2088 (EU Taxonomy Regulation). EUR-Lex. [eur-lex.europa.eu], [viewpoint.pwc.com]
- European Parliament and Council of the European Union. (2022). Directive (EU) 2022/2464 of 14 December 2022 amending Regulation (EU) No 537/2014, Directive 2004/109/EC, Directive 2006/43/EC and Directive 2013/34/EU as regards corporate sustainability reporting (CSRD). EUR-Lex. [eur-lex.europa.eu], [climate-laws.org]
- European Commission. (2023). Commission Delegated Regulation (EU) 2023/2772 of 31 July 2023 supplementing Directive 2013/34/EU as regards sustainability reporting standards (European Sustainability Reporting Standards - ESRS). EUR-Lex.
- European Parliament and Council of the European Union. (2023). Regulation (EU) 2023/2631 of 22 November 2023 on European Green Bonds and optional disclosures for bonds marketed as environmentally sustainable and for sustainability-linked bonds (European Green Bond Regulation). EUR-Lex.
- European Parliament and Council of the European Union. (2019). Regulation (EU) 2019/2089 of 27 November 2019 amending Regulation (EU) 2016/1011 as regards EU Climate Transition Benchmarks, EU Paris-aligned Benchmarks and sustainability-related disclosures for benchmarks.
- European Commission. (2021). Communication from the Commission to the European Parliament, the Council, the European Economic and Social Committee and the Committee of the Regions: EU taxonomy, corporate sustainability reporting, sustainability preferences and fiduciary duties: Directing finance towards the European Green Deal (COM(2021) 188 final).
- European Commission. (2026). EU taxonomy for sustainable activities. https://finance.ec.europa.eu/sustainable-finance/tools-and-standards/eu-taxonomy-sustainable-activities_en.
- World Commission on Environment and Development. (1987). Our common future. Oxford University Press.
- Pigou, A. C. (1920). The economics of welfare. Macmillan.
- Freeman, R. E. (1984). Strategic management: A stakeholder approach. Pitman Publishing.
- Edmans, A., & Kacperczyk, M. (2022). Sustainable finance. Review of Finance, 26(6), 1309-1313.
- Ozili, P. K. (2022). Green finance research around the world: A review of literature. International Journal of Green Economics, 16(1), 56-75.